TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2020/DS-ST
Ngày 23-12-2020
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - chủ toạ phiên toà: Ông Võ Quốc Văn
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Tấn Lộc
2. Ông Đặng Hoàng Thành

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Phượng Kiều là Thư ký Tòa án của Toà án nhân dân huyện Thới Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau *tham gia phiên tòa*: Ông Võ Hồng Quân - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thới Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 60/2020/TLST – DS, ngày 04 tháng 3 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2020/QĐXX - ST ngày 12 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Thanh T (có mặt)
Địa chỉ cư trú: Ấp A, xã A, Thành Phố Cà Mau, Cà Mau.
- *Bị đơn:* Anh Trần Sáu N (vắng mặt)
Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã T, Thới Bình, Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10 tháng 11 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Thanh T trình bày:

Ngày 22/10/2018 âl, ông có cho anh Sáu N vay số tiền 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng), lãi suất thỏa thuận là 5%/ tháng, khoảng một tháng sau anh Sáu N thanh toán được tiền vốn là 10.000.000 đồng. Số tiền còn lại 80.000.000 đồng, khoảng ba bốn tháng sau anh Sáu N thanh toán thêm được 7.000.000 đồng tiền lãi, ông chấp nhận trừ vào số tiền vốn nên ông yêu cầu anh Sáu N thanh toán cho ông số tiền vốn là 73.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất do pháp luật

quy định tính từ ngày 22/10/2018 (âl) đến nay, ông chấp nhận giảm tiền lãi cho anh Sáu N là 30%.

Anh Trần Sáu N trình bày:

Anh thừa nhận có vay của ông T số tiền 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng), lãi suất thỏa thuận là 10%/ tháng, anh có làm biên nhận vay tiền của ông T ngày 22/8/2018 (âl). Anh có thanh toán tiền vốn cho ông T hai lần số tiền 17.000.000 đồng, số tiền vốn còn lại là 73.000.000 đồng (anh không nhớ rỏ thời gian thanh toán). Ngoài ra, anh còn thanh toán cho ông T 40.000.000 đồng tiền lãi (việc thanh toán tiền lãi không có làm biên nhận, anh không nhớ rõ thời gian thanh toán), anh đề nghị trừ 40.000.000 đồng tiền lãi vào số tiền vốn, anh chấp nhận thanh toán cho ông T 33.000.000 đồng, không chấp nhận thanh toán lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, việc tranh chấp giữa các đương sự nêu trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình.

Anh Sáu N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa dân sự sơ thẩm lần thứ hai nhưng anh vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với đương sự này.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Theo biên nhận ngày 22/10/2018 âl (BL13) thể hiện: Anh Sáu N có vay của ông T số tiền 90.000.000 triệu đồng, lãi suất thỏa thuận, tại biên bản hòa giải ngày 25/3/2020 (BL26) anh Sáu N thừa nhận chữ ký trong biên nhận nói trên là của anh, đồng thời ông T thừa nhận anh N có thanh toán cho ông được số tiền 17.000.000 đồng, nhưng anh N, ông T không nhớ rỏ thời gian thanh toán, số tiền vốn còn lại là 73.000.000 đồng. Anh Sáu N cho rằng anh còn thanh toán thêm cho ông T 40.000.0000 đồng nhưng ông T không thừa nhận anh Sáu N không có chứng cứ chứng minh nên lời trình bày của anh Sáu N là không có cơ sở. Số tiền còn lại anh Sáu N hứa nhiều lần nhưng không thanh toán nên cần buộc anh Sáu N thanh toán cho ông T số tiền vốn là 73.000.000 đồng *(bảy mươi ba triệu đồng).* Về yêu cầu tính lãi của ông T là có cơ sở buộc anh Sáu N thanh toán cho ông T số tiền lãi như sau: Ngày 22/10/2018 (âl) là ngày 28/11/2018 (dl), tính đến ngày xét xử sơ thẩm là

24 tháng 25 ngày x 1,125%/tháng x 73.000.000đ x 70% = 14.276.000 đồng (lấy tròn số).

Trường hợp, anh Sáu N chậm trả thì phải chịu lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông T không phải chịu án phí, ông đã nộp tạm ứng án phí nên được nhận lại. Anh Sáu N phải chịu án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Trần Sáu N.

Áp dụng các Điều 463, 466 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, Nghị quyết số 01/2019/HĐ – TP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh T về việc yêu cầu anh Trần Sáu N thanh toán nợ vay. Buộc anh Trần Sáu N có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Thanh T số tiền vốn là 73.000.000 đồng và tiền lãi là 14.276.000 đồng (lấy tròn số). Tổng cộng là 87.276.000 đồng (tám mươi bảy triệu hai trăm bảy mươi sáu nghìn đồng).

Trường hợp anh Trần Sáu N chậm thanh toán khoản tiền vốn nói trên cho ông Nguyễn Thanh T thì phải chịu lãi theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Anh Trần Sáu N phải chịu số tiền 4.363.000 đồng (bốn triệu ba trăm sáu mươi ba nghìn đồng, lấy tròn số). Ngày 02/3/2020 ông Nguyễn Thanh T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 2.825.000 đồng *(hai triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng)*, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011047 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thới Bình được nhận lại.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ông T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Sáu N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được nhận hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *Tòa án tỉnh Cà Mau;*
- *VKS huyện Thới Bình;*
- *Chi cục THADS huyện Thới Bình;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Võ Quốc Văn